TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-VHNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 01 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2025TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Một bên là: Bà Phạm Th. Tr. M, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số 70/18/3 đường T, phường Q, thành phố Đà Lạt (Nay là phường Xuân Hương – Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng

Và một bên là: Ông Nguyễ Đ. Kh**,** sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số nhà 26 đường F, thị trấn K, huyện Lạc Dương (Nay làphường LangBiang – Đà Lạt) , tỉnh Lâm Đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Th. Tr. M và Ông Nguyễ Đ. Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, bà M và ông Kh đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, thành phố Đà Lạt (*Nay là phường Xuân Hương – Đà Lạt*), tỉnh Lâm Đồng vào năm 2013. Do đó, hôn nhân giữa bà M và ông Kh là hợp pháp.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân theo bà M và ông Kh trình bày thì: Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc cho đến khi bà My sinh con vào tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẽ với nhau trong cuộc sống, dù đã nhiều lần nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhượng không đạt được kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2024 đến nay. Hiện bà M và ông Kh cùng

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đồng thuận ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông Kh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn của bà M và ông Kh.

[2] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ph. B. Ng, sinh ngày: 13/5/2023.

Hiện con đang sống cùng ông bà Số 70/18/3 đường T, phường Q, thành phố Đà Lạt (Nay là phường Xuân Hương – Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng.

Khi ly hôn, ộng bà thoả thuận giao con cho Bà Phạm Th. Tr. M trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Nguyễ Đ. Kh thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thành niên với số tiền là 2.500.000đ/tháng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*), thời gian thực hiện cấp dưỡng tháng 8/2025.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà M và ông Kh cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về án phí, lệ phí Tòa án: Bà M và ông Kh thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Th. Tr. M và Ông Nguyễ Đ. Kh thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ph. B. Ng, sinh ngày: 13/5/2023.

Hiện con đang sống cùng ông bà tại Số 70/18/3 đường T, phường Q, thành phố Đà Lạt (Nay là phường Xuân Hương – Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng.

Khi ly hôn, ộng bà thoả thuận giao con cho Bà Phạm Th. Tr. M trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Nguyễ Đ. Kh thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thành niên với số tiền là 2.500.000đ/tháng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*), thời gian thực hiện cấp dưỡng tháng 8/2025.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Bà M và ông Kh cùng xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà M và ông Kh cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Phạm Th. Tr. M và Ông Nguyễ Đ. Kh thỏa thuận chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu số 0000046 ngày 08/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà M và ông Kh đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Cục THA dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- UBND P. Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đặng Thị Thới